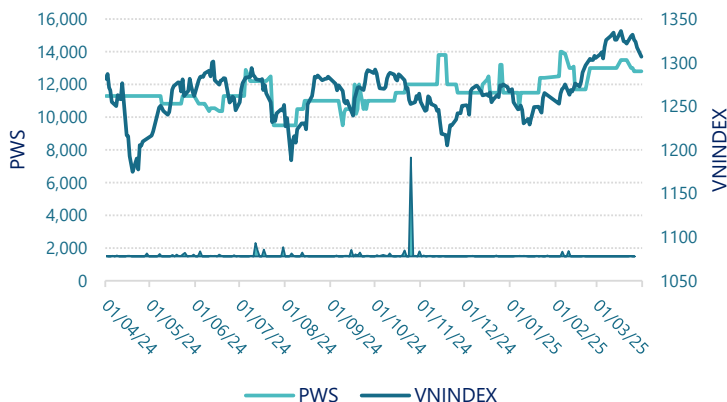




CTCP Cấp thoát nước Phú Yên (UPCOM: PWS)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

31/03/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	12,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	14,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	9,500
SL cổ phiếu LH	38,363,579
KLGD BQ 20 phiên (CP)	100
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	491
P/E	15.5
EPS	828

DT thuần

Q1/25

30.1

tỷ VNĐ

QoQ: ▼2.00 | -6.3%

YoY: ▼0.70 | -2.3%

LN sau thuế

Q1/25

4.89

tỷ VNĐ

QoQ: ▼2.15 | -30.5%

YoY: ▼2.87 | -36.9%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

32.8%

+/- YoY: ▲ 3.6%

DT thuần

2024

136

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 8.00 | 6.7%

LN sau thuế

2024

38.8

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 8.20 | 26.9%

ROE

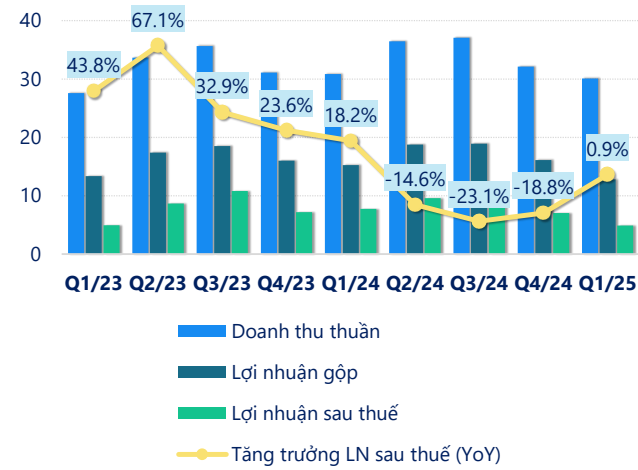
2024

8.8%

+/- YoY: ▲ 1.7%

tỷ VNĐ

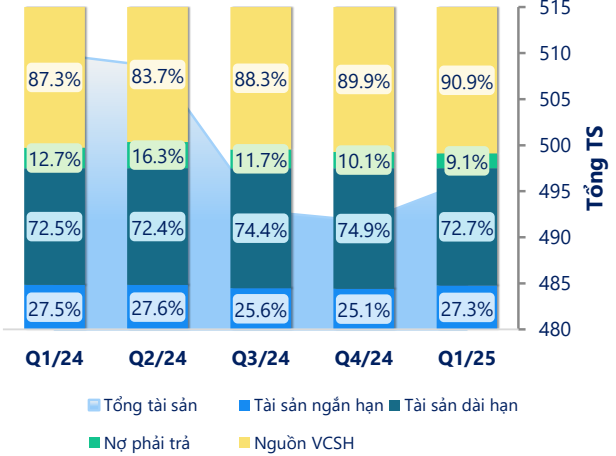
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

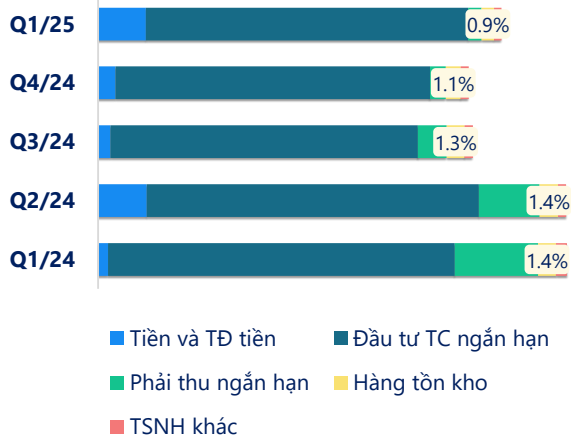
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



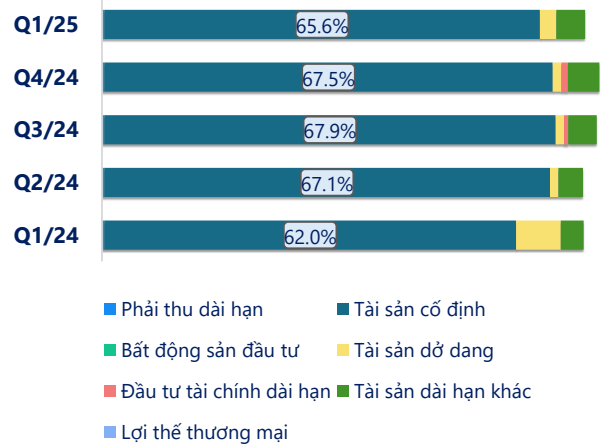
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

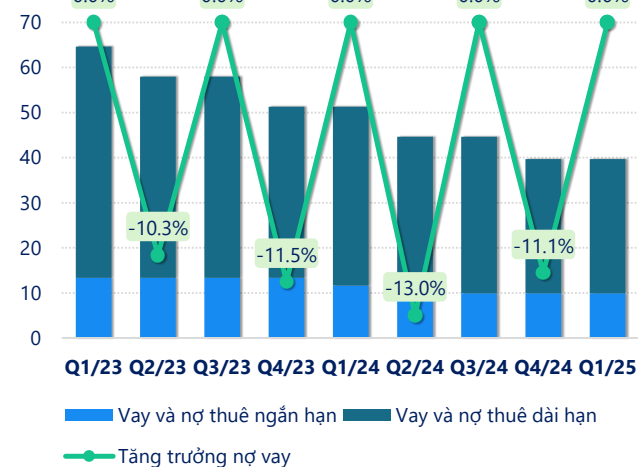
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

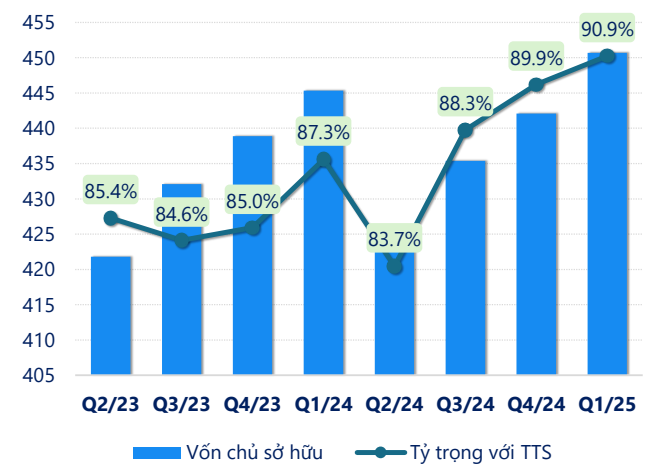
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

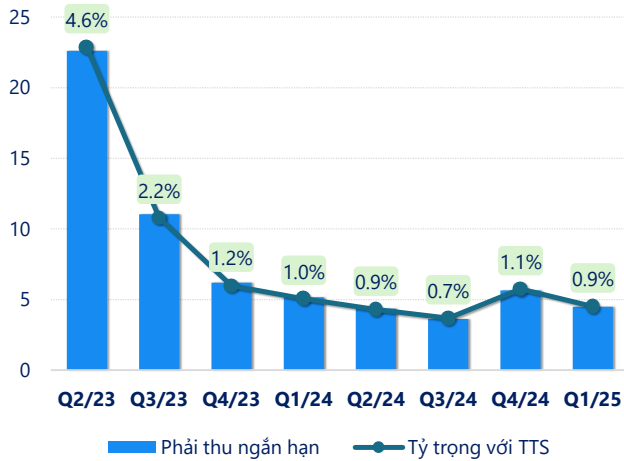
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


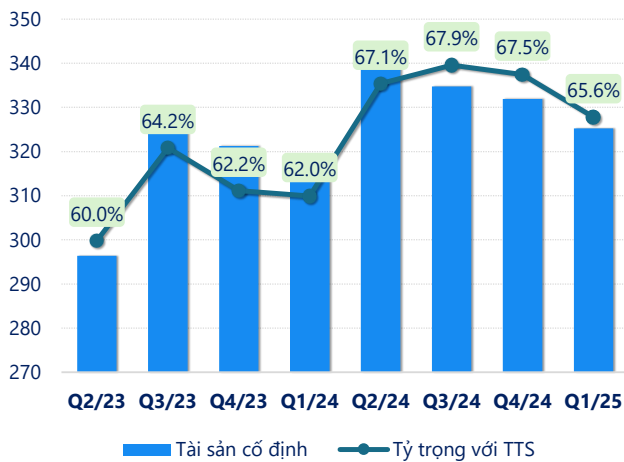
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho

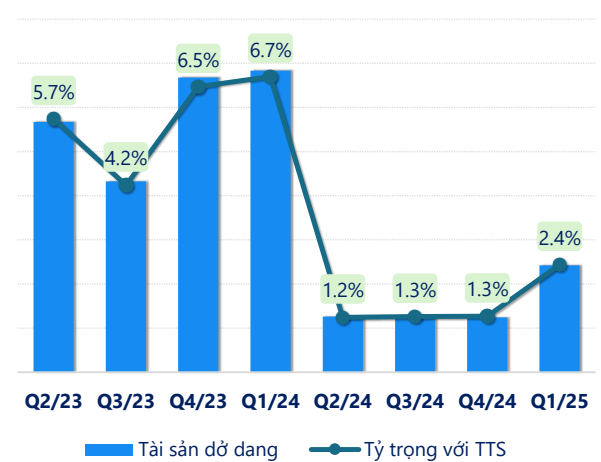

(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

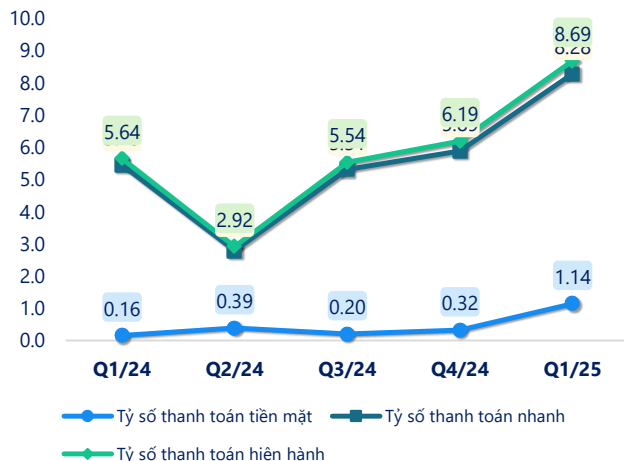
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

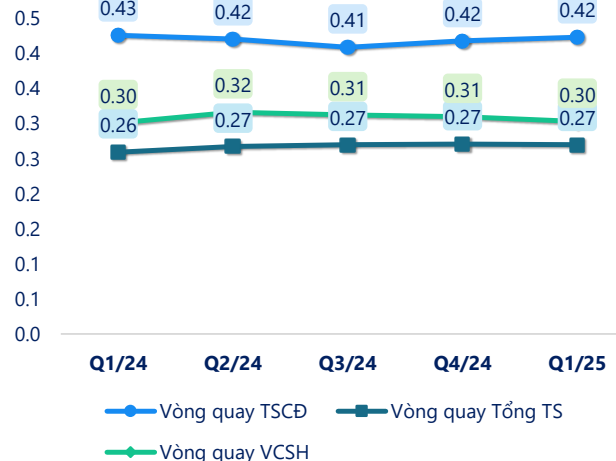
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	510	509	493	492	496
Tài sản ngắn hạn	140	140	126	124	135
Tiền và tương đương tiền	3.87	18.6	4.56	6.38	17.8
Đầu tư tài chính ngắn hạn	124	109	112	105	107
Phải thu ngắn hạn	5.16	4.36	3.63	5.65	4.48
Hàng tồn kho	4.78	5.98	5.20	6.11	6.28
Tài sản ngắn hạn khác	2.85	2.26	1.12	0.98	0.34
Tài sản dài hạn	370	368	367	368	361
Phải thu dài hạn	1.65	1.65	1.65	1.65	1.65
Tài sản cố định	316	341	335	332	325
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	34.2	6.32	6.22	6.23	12.1
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	3.00	5.00	0
Tài sản dài hạn khác	17.6	19.0	21.3	23.4	21.7
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	64.5	82.8	57.5	49.7	45.3
Nợ ngắn hạn	24.9	48.1	22.8	20.0	15.6
Vay và nợ thuê ngắn hạn	11.6	9.92	9.92	9.92	9.92
Phải trả người bán ngắn hạn	4.47	1.33	1.53	2.88	0.77
Nợ dài hạn	39.7	34.7	34.7	29.8	29.8
Vay và nợ thuê dài hạn	39.7	34.7	34.7	29.8	29.8
Nguồn vốn chủ sở hữu	445	426	435	442	451
Vốn chủ sở hữu	445	426	435	442	451
Vốn điều lệ	384	384	384	384	384
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)